T017 BD VIII 212-Q1-P1 Vô Thường-Kinh Xuất Diệu

Đại Tạng Kinh (Linh Sơn Pháp Bảo)

số 212

KINH XUẤT DIỆU

Biên soạn: Tôn giả Pháp Cứu soạn.

Hán dịch: Đời Diêu Tần, Sa-môn Trúc

Phật Niệm, người đất Lương châu.

QUYỂN 1

PHẨM 1: VÔ THƯỜNG (PHẦN 1)

Thuở ấy, Đức Phật trụ tại nước Ba-la-nại, Ngài bảo các Tỳ-kheo: – Trong đời vị lai sẽ có loài chúng sinh sống lâu đến tám muôn bốn ngàn tuổi. Lúc bấy giờ, loại chúng sinh sống tám muôn bốn ngàn tuổi ấy, trong cõi Diêm-phù này, mọi người cùng chung sống một nơi, lúa thóc trúng mùa, nhân dân đông đúc, tiếng chó sủa, tiếng gà gáy hòa quyện với nhau. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: – Các thầy nên biết, lúc bấy giờ con gái đến năm trăm tuổi mới đi lấy chồng. Lúc ấy, có vị vua tên Nhương Khư có đầy đủ bảy báu cai trị nhân dân bằng chánh pháp, không làm những điều tà vạy. Nhà vua có một chiếc xe báu bằng lông chim tự nhiên, cao cả ngàn khuỷu tay, rộng mười sáu khuỷu tay. Vua cho sửa sang trang hoàng bằng nhiều chuỗi ngọc quý báu. Rồi giữa chốn đông người, vua phân của bố thí, không hề tiếc rẻ, tạo lập công đức, dẫn đầu mọi người, các vị đắc đạo từ phương xa đến ở lại, hoặc chỉ tạt qua nghỉ đêm vua đều cúng dường. Ai cần món gì, vua đều ban cho hết mà lòng không hối tiếc. Lúc con người sống tám muôn bốn ngàn tuổi ấy, có Đức Phật ra đời hiệu là Di -lặc, Bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hành Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư Phật Thế Tôn, cũng như Ta ngày nay, thành Vô Thượng Chánh Chân Đẳng Chánh Giác, đủ mười hiệu. Đức Phật ấy thường hộ trì vô số trăm ngàn vị Tỳ -kheo cũng như Ta ngày nay hộ trì vô số trăm ngàn vị Tỳ-kheo và các đại chúng. Ngài rộng nói pháp sâu xa, thượng, trung, hạ đều lành, nghĩa lý nhiệm mầu, thanh tịnh đầy đủ, tu hành phạm hạnh cũng như Ta ngày nay vì các đại chúng rộng nói pháp sâu xa thượng, trung, hạ đều lành, nghĩa lý nhiệm mầu, thanh tịnh đầy đủ, tu hành phạm hạnh. Rộng nói về việc Đức Di-lặc hạ sinh, như lời Đức Phật dạy, có kinh tên Lục Cánh Lạc Đạo. Trong kinh ấy nói: “Nếu con người sinh vào kiếp ấy, nếu mắt thấy sắc thì chỉ thấy sắc lành, không thấy sắc xấu, thấy điều đáng yêu chứ không thấy điều không đáng yêu, thấy điều đáng kính chứ không thấy điều không đáng kính, thấy điều đáng nghĩ chứ không thấy điều không đáng nghĩ, thấy sắc đẹp chứ không thấy sắc không đẹp. Các chúng sinh ấy tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân biết trơn láng, ý biết pháp, cho đến trời Đế Thích cũng lại như thế”. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn đến giảng đường lớn bên bờ ao Di hầu thuộc nước Tỳ-xá-ly. Lúc ấy, có rất nhiều chàng trai xứ Tỳ-xá-ly đều cùng nghĩ rằng: “Chúng ta hãy cùng nhau đến chỗ Đức Thế Tôn thăm hỏi và đảnh lễ Ngài.” Trong số các thanh niên ấy có người cỡi ngựa xanh, che lọng xanh, y phục cũng màu xanh, có người cỡi ngựa màu vàng, màu xanh, màu đỏ, màu trắng, y phục đều màu trắng. Họ lên đường với tiếng chuông trống hòa nhau, tấu trỗi kỹ

nhạc, trước sau theo nhau đến chỗ Thế Tôn. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: – Các thầy nên biết, nếu ai chưa thấy các vị trời dạo chơi đến khu vườn ở phía sau tắm gội thì hôm nay nên nhìn các chàng thanh niên này, y phục, ngựa xe của họ sánh với các vị trời, chẳng khác gì nhau. Vì sao vậy? Vì các vị trời ăn mặc cũng giống như họ. Bấy giờ, có hàng trăm ngàn người đang ngồi trong giảng đường ai nấy đều suy nghĩ: "Chúng ta nên phát lời thệ nguyện chân thành, khiến cho đời sau chúng ta được sinh lên cõi người, cõi trời, thường mặc pháp phục này không bao giờ xa rời, để đời sau có Đức Phật ra đời, được nghe pháp sâu xa, lìa hẳn khổ não, đạt an vui Niết-bàn". Đức Như Lai biết rõ tâm niệm của chúng sinh cầu sinh trong ba cõi thì không thể nào dứt hẳn khổ não, Ngài liền nói bài kệ này cho đại chúng nghe: Hành pháp vô thường Là pháp hoại diệt Không thể nương cậy Biến đổi không ngừng. Nghe bài kệ ấy, trăm ngàn chúng sinh nhiều không thể tính kể ngay trong thời pháp ấy dứt hết lậu hoặc, mở tỏ tâm ý, đều chứng được đạo quả.

Thuở xưa, có bốn vị Bà-la-môn đều chứng được thần thông, có khả năng bay đi, thần túc vô ngại. Bốn vị Phạm chí này nói với nhau rằng: – Có người đem thức ăn ngon đến cúng dường Sa-môn Cù-đàm thì được sinh lên cõi trời, không lìa ngôi nhà hưởng phước, còn ai nghe pháp của Ông ta thì vào được cửa giải thoát. Ngày nay chúng ta chỉ ham phước trời, không mong giải thoát nên không cần nghe pháp. Rồi họ ra đi, mỗi người đem một hộp đường phèn ngon ngọt. Một người trước đến chỗ Như Lai, dâng cúng lên Ngài. Nhận xong, Đức Như Lai nói cho vị Phạm chí này nghe bài kệ: – "Các hành vô thường". Vừa nghe xong, vị này lấy tay bịt tai lại. Lần lượt đến người thứ hai tới chỗ Như Lai dâng đường phèn lên cúng dường, Đức Như Lai lại nói kệ rằng: – "Là pháp hưng suy". Nghe xong, Phạm chí lấy tay bịt tai lại. Lại đến người thứ ba tới chỗ Như Lai dâng đường phèn lên cúng dường, Đức Như Lai nhận xong lại nói bài kệ: – "Hễ sinh, có chết". Nghe xong, vị Phạm chí lấy tay bịt tai lại. Và đến người thứ tư dâng đường phèn lên cúng dường, Đức Như Lai nhận xong lại nói bài kệ: – "Diệt này là vui". Nghe xong, vị này lấy tay bịt tai lại. Sau đó, họ đều từ giã Như Lai ra về. Quán sát biết tâm ý họ, là những người đáng được độ, Đức Như Lai bèn dùng phương tiện quyền xảo ẩn mình không hiện. Bốn vị Phạm chí nọ đến một nơi rồi nói với nhau:

– Dù đã cúng dường cho Sa-môn Cù-đàm nhưng tâm ý chúng ta còn mù mờ, không biết Ngài đã dạy những gì. Trước tiên, họ hỏi người dâng cúng thứ nhất: – Anh nghe Ngài dạy những gì? Đáp: – Tôi nghe Ngài dạy rằng: "Các hành vô thường". Nghe câu ấy rồi, tôi liền lấy tay bịt kín tai, không thừa nhận nó. Sau đó họ hỏi người thứ hai: – Anh nghe Như Lai dạy điều gì? Người này nói: – Tôi đến chỗ cúng dường đường phèn xong, Ngài nói với tôi câu kệ rằng: "Là pháp hưng suy". Nghe câu ấy tôi liền lấy tay bịt kín tai và cũng không thừa nhận nó. Họ hỏi tiếp người thứ ba: – Anh nghe Như Lai dạy điều gì? Người này nói: – Tôi đến chỗ Như Lai cúng dường đường phèn xong, Ngài nói với tôi câu kệ rằng: "Hễ sinh, có chết". Nghe câu ấy tôi liền lấy tay bịt kín tai và cũng không thừa nhận nó. Cuối cùng họ hỏi người thứ tư: – Anh nghe Như Lai dạy điều gì? Anh này đáp: – Tôi đến chỗ Như Lai cúng dường đường phèn xong, Ngài nói với tôi câu kệ rằng: "Diệt này là vui". Bốn người nói bài kệ ấy xong, tâm ý liền được mở tỏ, chứng quả A-na-hàm. Lúc ấy, tự biết mình đã chứng được đạo, bốn vị này liền tự trách và vội vàng

đến chỗ Như Lai, trán lạy sát dưới chân Ngài rồi đứng qua một bên. Giây lát họ lui lại ngồi xuống và bạch Thế Tôn: – Cúi xin Đức Như Lai cho phép chúng con được xuất gia làm Sa-môn. – Đức Thế Tôn bảo họ: – Lành thay! Tỳ-kheo, hãy mau tu phạm hạnh. Lúc đó, tóc trên đầu các vị ấy tự rơi rụng, áo đang mặc bỗng biến thành ca-sa, liền chứng quả A-la-hán trước mặt Phật.

Khi sắp vào Niết-bàn, Đức Phật bảo ngài Đại Ca-diếp và A-na-luật: – Tỳ-kheo các thầy nên vâng giữ giáo pháp của Ta, cung kính phụng thờ lời Phật d ạy. Hai vị chớ nên diệt độ sớm, trước phải kết tập Kinh, Luật, Luận và Tạp tạng quý báu rồi mới nên nhập diệt. Nói rộng cho đến câu cúng dường xá-lợi xong. Hai Tôn giả liền mở rộng việc kết tập

kinh điển, với năm trăm vị A-la-hán đã giải thoát, những vị thông minh lanh lợi đầy đủ các công hạnh cùng nhóm họp một nơi, thiết lập một tòa Sư tử cao đẹp cho ngài A-nan rồi thỉnh ngài A-nan lên tòa. Sau khi ngài A-nan lên tòa, đại chúng hỏi ngài: – Đầu tiên, Đức Phật nói pháp ở đâu? Lúc đó ngài A-nan mở đầu: "Tôi nghe như vầy, một thuở nọ…", vừa dứt câu ấy thì năm trăm vị La-hán đều từ ghế dây đứng dậy, quỳ thẳng dưới đất bảo: – Chính chúng tôi thấy Như Lai nói pháp, sao hôm nay nói là: "Tôi nghe như vầy một thuở nọ…" Rồi toàn thể đều cất tiếng than khóc buồn thương. Lúc đó ngài Đại Ca-diếp liền bảo ngài A-nan: – Kể từ hôm nay trở đi, khi nói pháp sâu xa đều phải nói: "Tôi nghe như vầy", chớ không được nói thấy. Khi Đức Phật ở trong vườn Nai, chỗ của các Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại, Ngài bảo năm thầy Tỳ-kheo: "Nguồn gốc của khổ này vốn là điều chưa ai được nghe, chưa ai được thấy". Nói rộng như Kinh bản. Khi mọi người đã kết tập khế kinh xong, Tôn giả Ca-diếp lại hỏi ngài A-nan: – Đức Như Lai nói ra Giới luật lần đầu tiên ở đâu? Ngài A-nan đáp: – Tôi nghe Đức Phật nói như vầy: Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong vườn trúc Ca-lan- đà, thuộc thành La-duyệt, con của ông Ca-lan-đà là Tu-trần-na xuất gia học đạo làm Tỳ-kheo, đầu tiên phạm Luật, cho đến pháp không thể vượt qua. Nói rộng như trong Giới luật. Ngài Ca-diếp lại hỏi ngài A-nan: – Đức Như Lai giảng nói A-tỳ-đàm lần đầu tiên ở đâu? Ngài A-nan đáp: – Tôi nghe Đức Phật nói như vầy: Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong giảng đường Phổ tập bên cạnh ao Di hầu, thuộc thành Tỳ-xá-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn thấy rõ gốc ngọn nhân duyên của dân Bạt-kỳ, bèn bảo các Tỳ-kheo rằng: "Ai tâm không còn năm thứ sợ hãi, tức giận, thì sẽ không bị đọa vào đường ác, cũng không bị đọa vào địa ngục…". Nói rộng như trong luận A-tỳ-đàm. Đầu hôm đại hội kết tập A-tỳ-đàm, gần sáng nói kinh Xuất Diệu và nói bài kệ về ngủ nghỉ và tỉnh thức. Vì sao Ngài nói về ngủ nghỉ và tỉnh thức? Như lời Đức Thế Tôn, Đẳng Chánh Giác dạy thì sự ngủ nghỉ làm hao tổn mạng sống. Nó làm mê lầm, thương tổn, không thành tựu quả chứng. Khi chết rồi không thể cứu, không được sinh lên những cõi tốt đẹp. Vì sao? Vì như người thức tỉnh thì có khả năng tu đức, trồng nhiều gốc lành, trái lại kẻ ham mê ngủ nghỉ thì mất hết những việc vừa nói, nên gọi là mê lầm. Lúc bấy giờ, giữa pháp hội có người nói: – Như lời Đức Phật dạy, nếu có chúng sinh trong lúc tỉnh thức thì nhớ đến nhiều việc, còn trong khi ngủ thì điềm nhiên không còn nghĩ gì cả.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: – Chỉ ngủ nghỉ không tỉnh thức làm sao mà hiểu được! Cho nên Phật dạy đánh đuổi ngủ nghỉ, luôn nghĩ đến tỉnh thức. Như Phật nói kệ

về ngủ nghỉ và tỉnh thức, phải vui mừng mà suy nghĩ lời dạy ấy1. Những gì Ta nói, các vị phải chuyên ý nhất tâm, chớ có loạn tưởng. Nhờ tâm ý dừng định mà tránh được lầm lạc và có khả năng nhận lãnh giáo pháp. Cho nên nói rằng: Phải lắng nghe lời Ta nói, để soạn ghi Xuất Diệu. Nói về Xuất Diệu thì chư Phật Thế Tôn nhiều như cát sông Hằng ở đời quá khứ đều khen ngợi pháp nghĩa của Xuất Diệu. Như Lai Thế Tôn cũng gọi là Tối Thắng. Sao gọi là Tối Thắng? Thắng là vì vượt khỏi các pháp kết sử bất thiện, vượt khỏi dâm, nộ, si, vượt khỏi tất cả sự trói buộc của sinh tử, vượt hơn chín mươi sáu thứ tà thuật của ngoại đạo dị học như Ni - kiền Tử... vượt trội hơn hết những điều vừa nói nên gọi là Tối Thắng. Pháp Xuất D iệu này được giảng nói thông suốt không bị vấp váp, truyền rộng ý nghĩa tốt đẹp của nó cho cả trời, người. Cho nên nói là soạn ghi Xuất Diệu. Như lời Đức Thế Tôn dạy, là giảng nói thông suốt không vấp váp. Như Thế Tôn dạy Tất cả thông suốt Vị Tiên thương xót Chỉ còn đời này. Như lời Đức Thế Tôn dạy thì thông đạt giảng nói, không bị vấp váp, nên gọi là Thế Tôn nói. Về thông suốt tất cả thì trí Nhất thiết đạt được tất cả thị hiện, tất cả thông suốt, phân biệt tất cả các nghĩa. Tự tại trong sáu thứ thần thông, thành đạo quả Vô thượng. Sáu thứ thần thông của Như Lai, bậc La-hán không thể sánh kịp. Đức Phật là Bậc Tối Thắng Tối Thượng đã vượt qua tất cả, có khả năng phân biệt tất cả pháp tướng nên nói là thông suốt tất cả. Bậc Tiên Nhân thương xót là người làm thỏa mãn tất cả hy vọng của chúng sinh còn trong sinh tử, tưởng như cha mẹ, là tâm thương xót, là tâm che chở mọi loài. Thế nên, chư Phật Thế Tôn cũng được gọi là Tiên Nhân, tu đạo thần túc cũng gọi là Tiên nhân, người có đầy đủ các công đức cũng gọi là Tiên nhân, người tu tập pháp lành trong đêm dài sinh tử cũng gọi là Tiên nhân. Do vậy mới nói: Bậc Tiên Nhân thương xót. Chỉ còn thân này, nghĩa là thân nương bốn đại, căn bản không còn gì khác, cũng không có bờ mé, cũng không sinh ra, như thân Phật hiện tại đang nói pháp. Này A-nan, thầy nên biết đây là cảnh giới cuối cùng, đây là lần cuối cùng Ta không còn nhập bào thai, hình thể nhận chịu cuối cùng chính là bản thân Ta ngày nay. Này A-nan, thầy không còn thấy Ta thọ thân bất cứ ở nơi nào nữa, thọ thân này là biên giới của sự khổ. Thế nên nói rằng: “Chỉ còn thân này”.

Các hành vô thường, Là pháp hưng suy, Hễ sinh, có chết,

1. Nhờ vui nên trong tâm hớn hở, nhờ mừng nên tâm ưa pháp lành phát sinh, cho nên nói là nên vui mừng suy nghĩ mà nghe.

Diệt này là vui. Thuở xưa, các Phạm chí, mỗi vị đọc tụng pháp của thầy mình, chia làm hai bộ. Một bộ cho rằng muôn vật đều có, bộ khác cho rằng muôn vật đều không. Bộ cho muôn vật là có đã được Như Lai phân biệt rõ và dứt trừ sự do dự và tâm hy vọng của họ, Ngài nói cho họ biết: “Các hành vô thường”. Những người chấp “có” tự làm bài kệ rằng: Dùng thanh kiếm bén Sát hại chúng sinh Không có thiện, ác Chết thân không đổi, Đối với thân thể Kiếm bén vung lên Không hại được mạng. Mặt đất thường còn Phong giới không đắm Chịu nhiều khổ vui Mạng căn cũng thế, Dù cho kiếm bén Múa loáng qua lại Cũng không thấy có Quả báo thiện ác. Dù giết cha mẹ Không báo thiện, ác Huống là việc khác Mà có quả sao? Giống như nhốt đầy chim sẻ vào cái bình, có người đập bể bình, chim sẻ bay đi, giết hại chúng sinh, mạng chúng bay xa, chẳng làm tổn hại

gì. Muốn chúng sinh dứt bỏ tà kiến ấy nên Đức Như Lai nói rằng: “Các hành vô thường”, không thể nương cậy, thay đổi không dừng là pháp hoại diệt. Mạng sống như sương buổi sớm, tạm có rồi mất, cho nên nói: “Các hành vô thường”. Nghe vậy, cho rằng muôn vật đều không, mừng rỡ bảo nhau rằng như vậy là giống như chủ trương của chúng ta. Quán xét biết tâm bọn họ như vậy, nên Như Lai nói: “Là pháp hưng suy”. Hưng suy là có thịnh có suy, có sum họp 2 thì có chia lìa. Không có thân này thì thôi, nhưng đã thọ thân này rồi thì không thể tránh khỏi. Các Phạm chí ấy lại nghĩ rằng: “N ếu pháp suy hao kia không còn sinh nữa thì đó là đúng với chủ trương của chúng ta rồi”. Do vậy, Đức Thế Tôn nói lại ý nghĩa ấy là: “Hễ sinh, có chết” xoay vần không ngừng. Năm ấm cùng nương tựa giúp nhau mà có ra đời sống, chỉ có mắt tuệ quán xét mới phân biệt được, giống như ánh sáng mặt trời chiếu qua khe, ta thấy vô số bụi nhỏ không thể nào đếm hết. Thân năm ấm lẫy lừng này bị các hành pháp ép ngặt, làm cho trôi lăn trong sinh tử, không lúc nào ngừng nghỉ. Cho nên nói: “Hễ sinh, có chết”.

2. Hiệp hội hữu ly: Trong đoạn này chữ hội nghĩa là sẽ, phải. Đương nhiên nghĩa là: Có sum họp thì phải có chia ly, chớ không nên hiểu hiệp hội là từ đôi có nghĩa là hội họp được!

“Diệt này là vui”, nghĩa là hết hẳn lòng tham dục, không còn ý đắm trước thường được yên ổn, an vui bậc nhất, tâm không còn sinh diệt, thành tựu nghĩa bậc nhất. Đó là cái vui vô dục, cái vui vô vi, cái vui vô lậu. Cái vui diệt hết cái vui cho nên nói: “Diệt này là vui”.

Có gì cười vui Niệm thường lẫy lừng Chìm sâu tăm tối, Sao không tìm đèn. Thuở ấy Đức Phật ngự tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Sau khi ăn xong vào lúc xế trưa, có chúng Tỳ-kheo, trời Đế Thích, nhân dân, bốn chúng đệ tử muốn nghe Như Lai nói pháp cam lộ thì từ phương khác có bảy vị đạo sĩ dị học Bà-la-môn, tóc râu họ đều bạc trắng, chống gậy, rên rỉ mà đi đến chỗ Phật. Họ cúi đầu đảnh lễ chắp tay bạch Phật: – Chúng con từ phương xa đến đây mong được Thánh Nhân giáo hóa. Từ lâu, chúng con hiến mình cho đạo thuật cạn cợt. Hôm nay, chúng con đến đây thấy được Thánh Nhân, mong được làm đệ tử Ngài dứt được các khổ đau. Đức Phật liền xuất gia cho họ làm Sa-môn, dạy bảy vị cùng ở chung một phòng. Nhưng bảy vị này nghĩ rằng mình thấy được Thế Tôn là đã đắc đạo quả, nên họ không còn nhớ nghĩ đến sự vô thường biến đổi, bèn cùng ngồi trong phòng chỉ nghĩ đến việc đời. Họ nhỏ to xầm xì, cười hô hố, không màng đến sự nên hư. Mạng sống thì ngày càng bị thu ngắn, chẳng hẹn với ai, thế mà bảy vị này chỉ lo cười cợt giỡn hớt, phóng ý buông lung, không nghĩ đến vô thường. Bấy giờ Đức Thế Tôn bước vào phòng họ quở trách: – Các vị có lòng cầu đạo đến đây mong cầu đạo vô vi độ đời, sao lại mãi cười cợt to tiếng. Tất cả chúng sinh thường cậy vào năm việc. Những gì là năm? -Một là cậy vào tuổi trẻ. -Hai là cậy vào sắc đẹp. -Ba là cậy vào thế lực. -Bốn là cậy vào tài năng. -Năm là cậy vào gia thế quý tộc. Bảy vị nhỏ to xầm xì cười lớn như vậy là cậy vào cái gì? Nhân đó, Đức Thế Tôn liền đọc bài kệ: Có gì cười vui Niệm thường lẫy lừng Chìm sâu tăm tối Sao không tìm đèn. Có gì cười vui: Lúc ấy Đức Thế Tôn bảo bảy vị này: “Bảy vị đến đạo tràng này, đạo Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, các vị chưa chứng đắc.” Phật lại bảo họ:

“Trước kia Ta có dạy rằng ai chưa có khả năng dứt sạch hết phiền não thì không đáng kể nương cậy. Các vị thọ thân, chưa khỏi sự trói buộc, luôn chung sống với năm ấm rắn rít thì tại sao các vị cứ lo nhỏ to xầm xì cười lớn như vậy? Phải nghĩ rằng cái khổ ấy nhiều kiếp chưa dứt trừ, cứ hứng chí giỡn cợt là đã thành bụi nhơ. Khổ thay, các thầy thật khó tỉnh ngộ.” Cho nên nói: “Có

gì cười vui?”. Đó là lời chỉ dạy của Đức Thế Tôn. Niệm thường lẫy lừng: Thế nào là “lẫy lừng”? Vì lửa vô thường cháy hừng hực. Lửa khổ cũng cháy hừng hực, sầu lo khổ não cũng là lửa cháy hừng hực. Vì sao mà biết nó đang cháy hừng hực? Ấy là do lòng ham muốn, giận dữ, ngu si, phách lối, ghen tị, nghi ngờ mà thấy lửa cháy hừng hực. Cho nên nói: “Niệm thường lẫy lừng”. Chìm sâu tăm tối: Giống như người đi trong đêm không thấy một vật nào cả, hay như người sinh ra đã mù không có mắt, không thấy màu đen, màu vàng. Sự tăm tối như vậy cũng chẳng đáng nói. Cái gọi là tối tăm nhất chính là cái ngu tối bó chặt khắp toàn thân không còn sót một chỗ nào, đó là sự tối tăm rộng lớn bao phủ chúng sinh, không còn phân biệt được cái gốc cốt yếu của thiện ác, không phân biệt được sự khác nhau giữa trắng và đen, ràng buộc và giải thoát, đạo pháp và thế tục, cũng không biết được đường ác, đường lành, xuất ly sinh tử, diệt hết phiền não, cho nên nói: “Chìm sâu tăm tối”. Không chịu tìm đèn: Thế nào là đèn? Đó là đèn trí tuệ. Dùng đèn trí tuệ ấy để soi sáng cái gì? Đáp: Biết kết sử nổi lên thì dùng đạo pháp để dứt bỏ. Phân biệt rõ cội gốc đường ác, đường lành, ra khỏi sinh tử, phân biệt rõ sự khác nhau giữa trắng và đen, ràng buộc và giải thoát, đạo pháp và thế tục, khéo phân biệt đường ác, đường lành, ra khỏi sinh tử, diệt hết phiền não. Trí tuệ ấy soi chiếu các pháp, không chỗ nào là không soi sáng. Thế mà lại nỡ bỏ đi trí tuệ ấy mà đi vào chỗ tăm tối mờ mịt. Cho nên nói: “Sao không tìm đèn sáng”.

Các loài hữu hình, Tản lạc các phương Xương màu bồ câu Có gì vui đâu? Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, có một thầy Tỳ-kheo lạ mỗi ngày đến con đường bên gò mả trên cánh đồng hoang ở ngoại thành, thầy lần theo ruộng của người khác mà đến nơi đó. Người chủ ruộng thấy vậy rất giận dữ, nghĩ rằng sao đạo sĩ này ở đâu mà hằng ngày cứ qua lại đây không lo tu tập gì cả. Ông liền chặn hỏi Đạo nhân: – Ông là khất sĩ ở đâu mà lại tự do qua lại trong ruộng tôi đến đổi thành lối mòn như thế? Đạo nhân đáp: – Tôi có vụ tranh tụng cần tìm người làm chứng. Lúc ấy, người chủ ruộng này có túc duyên liên quan đáng được độ. Thế nên ông lén theo sau chân Đạo nhân. Đến nơi, ông thấy trong khoảng rộng của gò mả, hài cốt bừa bãi sình trương hôi thối rệu rã, chim thú tranh nhau rỉa ăn làm xương vương vãi khắp nơi. Có thây bị ăn nửa chừng, có thây bị ăn hết, có xác bị trùng dế bới móc giòi tửa rút rỉa, nồng nặc hôi thối, khó ai dám đến gần. Diều, quạ, chồn, cáo, chó, cú vọ, kên, bồ cắt ăn tươi nuốt sống xác chết. Thầy Tỳ-kheo chỉ tay bảo người chủ ruộng: – Đám chim thú ấy chính là người làm chứng của tôi đấy. Vị ấy hỏi: – Đám chim thú này là người làm chứng, nhưng thầy tranh tụng với ai chứ?

Thầy Tỳ-kheo đáp: – Chính tâm tôi bị bệnh bởi nhiều phiền não tai hại. Nay tôi đến đây quán sát rõ các hài cốt phơi bày dơ bẩn đây, rồi tôi trở về phòng quán xét tự thân mình, thấy từ đầu cho đến chân thật không khác gì chúng. Nhưng tâm ý này cứ luôn

rong ruổi theo các pháp huyền ảo, hư ngụy: Sắc, thanh, hương, vị, sự xúc chạm trơn láng. Nay tôi muốn ngăn chặn t ừ cái gốc của tâm ấy3. Nay tôi là phàm phu chưa thoát khỏi mọi trói buộc, nhưng tên giặc tâm này nó không chịu tuân lệnh tôi. Do vậy mà hằng ngày tôi phải đến chốn gò mả hoang vắng này, dùng pháp bất tịnh thuyết phục tâm tôi để cuối cùng khiến cái tâm bất định bướng bỉnh rối loạn kia, nay phải sửa đổi, không gây các ác duyên. Sau khi nghe lời Đạo nhân dạy, người chủ ruộng này lấy tay gạt nước mắt, nghẹn ngào than thở. Về ông chủ ruộng, đời Phật Ca-diếp, ông đã tu pháp quán bất tịnh suốt mười ngàn năm, ngay lúc ấy, ông đã phân biệt được ba mươi sáu vật xấu xa nhơ nhớp. Lúc bấy giờ thầy Tỳ - kheo và ông chủ ruộng kia, ngay tại chỗ nghĩa địa hoang vắng đáng sợ ấy đều chứng được đạo Tu-đà-hoàn. Lúc bấy giờ, với Thiên nhãn trong sạch không vết bợn, Đức Thế Tôn nhìn thấy quả chứng của hai người là do nhân duyên đời trước. Muốn chỉ bày cho kẻ hậu học, để đời sau và hiện đời càng được sáng tỏ về lý ấy, cũng như chánh pháp tồn tại lâu dài, không dứt mất nửa chừng nên Đức Phật nói bài kệ trên. Các loài hữu hình: Gồm có các phần như: tay, chân, cánh tay, cùi chỏ, eo lưng, khoang bụng, đùi vế, bắp tay, mắt cá chân, gót chân, đầu lâu, mỗi thứ nằm mỗi nơi. Cho nên nói những phần hình các loài hữu hình, tản lạc các phương. Hình hài thân này như gỗ đá vô tri giác, nhưng vốn được yêu thích, tâm lúc nào cũng lo trang sức, tô điểm cho đẹp với hương hoa, phấn sáp xông ướp, nay thì tản lạc, mỗi món một nơi. Xương màu bồ câu: Vốn là cái mà trăm ngàn ức chúng sinh thương yêu, ngắm nhìn mãi không chán, nhưng nay thì cũng chính nó mà trăm ngàn ức chúng sinh đều cho là đồ thấp hèn, vừa thấy đã ghê khiếp đến nổi ốc. Cho nên nói: “Xương màu bồ câu”. Có gì vui đâu: Đời nói có vui, thì đó là phàm phu ngu mê lầm lạc. Cái mà người trí vất bỏ thì kẻ ngu lại ưa thích. Người trí cho là hổ thẹn xấu xa thì kẻ ngu lại nâng niu, thỏa mãn không chịu xả bỏ.

Nếu như đầu hôm
Thức vào thai mẹ
Hôm sau đời đổi
Đi mãi không về.

Như lời Đức Phật dạy thì có ba thứ hữu vi. Tướng các pháp hữu vi luôn hưng suy biến đổi. Có người hỏi:

– Nếu muôn vật là thường còn thì tại sao thây ma hài cốt không tồn tại lâu dài? Một trăm

3. Tâm kia phải biết mà phát khởi ý niệm ấy, đừng để dẫn ta vào chốn địa ngục, ngạ quỷ.

hai mươi thời là một ngày đêm, nếu như hình hài kia còn mãi trên thế gian thì thân thể người ta sẽ đầy tràn thế giới? Đáp rằng: – Vì chúng sinh kia cùng căn đồng sinh và cùng căn đồng diệt nên hình hài không thể tồn tại lâu dài được, trên cõi đời này, nếu như chúng sinh cùng căn đồng diệt cùng căn đồng sinh thì hài cốt sẽ còn lâu trên cõi đời này. Lại nữa, cùng thức đồng sinh cùng thức đồng diệt thì lúc ấy hài cốt không tồn tại lâu dài trên thế gian. Nếu chúng sinh cùng thức đồng diệt cùng thức đồng sinh thì lúc bấy giờ hình hài sẽ tồn tại lâu dài trên thế gian này. Lại hỏi: – Nếu sự già nua tồn tại lâu

trên thế gian này, thì tại sao trẻ mới sinh tóc lại không bạc? Đáp rằng: – Ấy là bởi đầu tóc có màu trắng thôi chứ không có nghĩa là già nua, suy yếu. Nghĩa này hiểu thế nào? Lúc nương vào các căn thức kia để thọ thân thì liền đó đã có sự biến đổi màu sắc của sự suy yếu già nua rồi. Cho nên mới có việc tóc trắng sinh ra, giống như rượu, bơ, dầu mè có cặn lóng bên dưới. Lúc thọ thân cũng lại như vậy, liền khi ấy đã có sắc suy yếu mà sinh ra tóc bạc vậy. Cho nên nói: "Nếu như đầu hôm, Thức vào thai mẹ". Như thức của trai hay thức của gái vào thai mẹ là căn cứ vào thời điểm đó, hoặc sinh hoặc diệt, trải qua cả trăm ngàn sự biến đổi, sinh diệt, không dứt, giống như bánh xe quay, không thể tính đếm. Chỉ có Thiên nhãn mới thấy được mà thôi. Lúc đó thức đi (chết) hay đến (sinh thân mới), việc ấy không thần chú hay kỹ thuật nào ngăn chận được. Ra đi thì hun hút nhưng đến thì cũng chẳng có dấu vết gì. Thức ở trong thai mẹ, sinh diệt không dừng cũng như vậy, như dòng nước chảy xuôi về Đông không bao giờ chảy ngược lại phía Tây. Thần thức trong bào thai hễ ra đi rồi thì không bao giờ trở lại. Chỉ có Thiên nhãn mới thấy rõ được thần thức trong bào thai đến hay đi.

Sáng vừa mới thấy Tối đã mất rồi. Hôm qua mới đó Giờ đã không còn Ta đang tuổi trẻ Không cậy vào đâu. Tuổi trẻ cũng chết Trai gái vô số. Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Sáng hôm ấy, đến giờ Tôn giả A-nan đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Xa thấy ngoài cổng thành có các chàng trai trổi kỹ nhạc vui chơi. Tôn giả A-nan khất thực xong định ra khỏi thành thì thấy chàng ca sĩ nọ đã chết. Đám đông vừa khiêng xác vừa kêu gào khóc than thảm thiết. Lúc ấy Tôn giả A-nan thầm nghĩ: "Lạ thật, sự biến đổi vô thường đến nhanh như thế ư? Vừa rồi vào lúc sáng sớm, ta vào thành khất thực, thấy chàng trai này vui chơi với năm thứ nhạc, giống như vị vua trời, thế mà giờ đây đã bị vô thường bắt đi?" Ra khỏi thành, Tôn giả A-nan về đến tinh xá Kỳ hoàn vén y rửa sạch tay chân, đến chỗ Thế Tôn, lễ sát chân Ngài rồi đứng sang một bên.

Rồi Tôn giả A-nan quỳ thẳng, chắp tay, bạch Phật: – Bạch Thế Tôn, vừa rồi vào buổi sáng, khi vào thành khất thực, con trông thấy một chàng trai trổi kỹ nhạc, tự vui chơi năm dục. Khất thực xong trở về, con thấy chàng trai kia đã chết. Đám đông khiêng xác đi, gào khóc thảm thiết. Bạch Thế Tôn, lúc ấy con nghĩ: "Lạ thật, sự biến đổi vô thường sao đến nhanh như thế ư? Vừa rồi vào lúc sáng sớm, ta vào thành khất thực, thấy chàng trai ấy còn vui chơi với năm thứ nhạc giống như vị vua trời, thế mà giờ đây đã bị vô thường bắt đi?" Điều mà hôm nay con trông thấy thật quá lạ lùng, chưa bao giờ thấy. Đức Thế Tôn bảo: – Này A-nan, việc ấy đâu có gì là lạ? Việc mà Ta thấy còn kỳ lạ hơn việc ngươi thấy bội phần. Lúc nọ, đến giờ, Ta đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực thì lúc ấy, này A-nan, Ta cũng thấy có một chàng hát ca năm thứ nhạc vui chơi trước cổng tinh xá Kỳ hoàn. Bấy giờ, Ta vào thành khất thực, khất thực xong trở ra khỏi thành, Ta thấy chàng trai nọ vẫn còn đang ca hát vui chơi ở đó, y như cũ. Đó là điều Ta thấy, đặc biệt hơn ông bội phần. Lúc ấy Tôn giả A-nan liền bạch Phật: – Đó là việc bình thường, đâu có gì là lạ? Đức Phật bảo ngài A-nan: – Mạng sống con người qua nhanh như gió khó kiềm giữ lại được. Thế thì lời ông vừa nói có gì là lạ4? Lúc đó Đức Thế Tôn quán sát nghĩa này, nghiên cứu tận gốc ngọn vô thường, muốn giúp các Tỳ-kheo thấy rõ pháp này, lại vì muốn cho chúng sinh đời sau biết rõ thêm, khiến chánh pháp tồn tại

lâu dài trên thế gian nên Đức Thế Tôn liền nói bài kệ Xuất diệu: Sáng vừa mới thấy Tối đã mất rồi. Hôm qua mới đó Giờ đã không còn. Ta đang tuổi trẻ Không cậy vào đâu. Tuổi trẻ cũng chết Trai gái vô số. Sáng vừa mới thấy, tối đã mất rồi: Nghĩa là có hàng trăm, ngàn loài chúng sinh, buổi sáng thấy đó, nhưng tối thì đã mất. Có những chúng sinh nhờ suy nghĩ so lường, căn lành đầy đủ, tâm không lầm loạn, tự biết mạng sống như lửa xẹt từ đá, nó nháng qua rồi tắt mất, thì ai lại sinh tâm tham đắm nó. Chỉ có kẻ thiếu hiểu biết, hạng phàm phu ngu tối mới sinh tâm tham đắm mà thôi. Hôm qua mới đó, giờ đã không còn: Nghĩa là hôm qua còn thấy đi đứng tới lui, nếu những người ấy biết suy nghĩ, gây trồng các công đức, tâm hăng hái sửa đổi lỗi lầm, bên trong tự nghĩ không có gì đáng vui. Cho nên nói: "Sáng vừa mới thấy, tối đã mất rồi. Hôm qua mới đó, giờ đã không còn".

4. Chú ý Phật khởi trị A-nan sống chết tức tốc, vậy chuyện thấy người ca sĩ vừa chết đâu có gì lạ.

Ta đang tuổi trẻ, không cậy vào đâu: Là như kẻ ngu thiếu hiểu biết tự ỷ vào sức mạnh của mình, tha hồ tự tung tự tác theo ý thích, không nghĩ đến sau này. Tự cho mình trẻ đẹp hơn người, còn kẻ khác thì xấu xí hèn hạ, không đáng làm bạn với mình, vì mình tiêu biểu cho trẻ, đẹp, giàu có, danh vọng hơn mọi người. Tự ỷ vào sức khỏe mạnh mẽ của mình, không cần làm bạn với ai, muốn gì được nấy, không ai chống cự lại nổi, tha hồ làm theo ý muốn, không né tránh cả đến bọn cường hào khác. Những người này không nghĩ đến cái chết chợt tới, không thấy được tai họa sinh tử khổ não. Cho nên nói: "Ta đang trẻ tuổi, không cậy vào đâu". Tuổi trẻ cũng chết, gái trai vô số: Giả sử vô số loài chúng sinh gái trai, lớn nhỏ, mà thọ thân hình khí lực sung mãn, của cải vô số, tha hồ làm theo ý muốn, tuổi trẻ sức mạnh. Nhưng trong cuộc đời này, số chết trẻ lại nhiều hơn số chết già. Nối nhau mà ra đi như vậy, nhưng người chết ấy trước khi còn sống họ không biết tu các công đức, gốc của các điều lành không chỗ nương cậy, từ đời này đến đời sau phải trôi lăn trong năm đường ác, không lúc nào dừng nghỉ. Cho nên nói rằng: "Tuổi trẻ cũng chết, gái trai vô số. Trong thai đã hư, mới ra thai đã chết, có khi ra đời ít lâu rồi chết, có hài nhi chết khi đang còn bồng trên tay". Người trẻ chết là hạng trung gian, dần dần theo thứ lớp như trái cây đợi chín. Một đời người là sáu vạn năm hay sáu ngàn năm (dài ngắn khác nhau), trong khi sinh ra đã ẩn chứa sự hoại diệt, ấy là bởi việc hại người kiếp trước. Chữ người ở đây là chỉ cho các vua chúa, nhà giàu, bậc đạo sư, người đi buôn, cha mẹ, bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Kẻ nào khởi tâm ác, giết hại những người kể trên thì hoặc đọa địa ngục A-tỳ, hoặc ngục nóng dữ dội, hoặc ngục kêu khóc, hoặc ngục kêu khóc dữ dội, hoặc ngục Đẳng hoặc, hoặc ngục Hắc thằng... Khi hết tội ở địa ngục thì sinh vào loài lục súc, trải qua nhiều kiếp sinh tử qua lại. Đến khi được sinh làm người thì nửa chừng cũng chết trong bào thai. Cho nên nói: "Trong thai đã hư" là vậy. "Vừa ra khỏi thai đã chết", nghĩa là có chúng sinh vừa ra khỏi thai mẹ thì chết. Hoặc có chúng sinh, trước muốn làm các công đức, nhưng chưa làm được, vừa ra khỏi lòng mẹ thì chết. Ấy là do đời trước khởi tâm ác giết hại người làm phước kia. Cho nên nói: "Vừa sinh ra đã chết". Còn câu: "Có khi ra đời ít lâu rồi chết" chỉ cho loại chúng sinh tu các công đức, đối với các chùa tháp lập ra vườn cây trái, ao tắm, làm cầu, làm nhà xí, nhưng việc làm chưa xong thì bị người giết hại,

đó là do đời trước hại người phước đức. Chết rồi đọa vào địa ngục, súc sin h, ngạ quỷ trải qua thời gian lâu dài, khi được sinh làm người thì chỉ mới sinh ra khỏi bào thai, cái chết đã ập đến rồi. Cho nên nói: “Có khi ra đời ít lâu rồi chết”. Câu: “Chết khi đang còn bồng trên tay” là chỉ hạng chúng sinh đối với chùa tháp đã tu, đã lập các công đức như lập vườn cây trái, ao tắm, làm cầu, làm nhà xí, việc làm vừa xong, công đức chưa được bao lâu thì bị người giết hại. Ấy là do đời trước khởi tâm giết hại người làm phước kia, nên sau khi chết, đọa vào địa ngục. Tội địa ngục hết rồi thì đọa vào súc sinh, sau đó được sinh lên làm người. Lúc mới còn hài nhi bồng trên tay chưa phân biệt được màu trắng màu đen thì đã bị chết non rồi. Thế nên kệ nói: Người già, tuổi trẻ Và hạng trung bình Lần lượt đến phiên Như trái chờ chín. Xưa, Tôn giả Mã Thanh cũng có nói kệ rằng: Có người chết trong thai,

Có kẻ vừa sinh chết Tuổi trẻ không khỏi chết, Già suy cam chịu vậy. Như cây nở hoa nhiều Khi đậu trái thật hiếm Chỉ người chí buông hết Thần chết chẳng nỡ gọi. Như loại cây có trái kia lúc nào cũng phát triển thật tốt, hoa nở sum suê, nhưng gặp cơn gió thổi thì bông rụng cả, đậu trái được không bao nhiêu. Hoặc đã đậu trái rồi, nhưng gặp cơn mưa đá cũng bị rụng đi. Có khi mới tượng nụ, chưa thành bông cũng bị rụng rồi. Có khi thành bông rồi cũng bị rụng mất. Rồi những bông đã thành trái ấy cũng đợi chín mà rụng theo. Loài chúng sinh cũng vậy. Trong trăm ngàn thân chúng sinh kia thì cũng chỉ một, hai trường hợp ở trong thai, sinh ra, lớn lên, rồi già nua, nhưng rồi cũng đi vào con đường tử biệt ấy, nào ai tránh khỏi tai họa kia. Và trong trăm ngàn kiếp sống ấy, kẻ thọ tới già mới chết chỉ một hai người, còn kẻ chết lúc còn trẻ nhiều không kể hết. Cho nên nói: Người già tuổi trẻ Và hạng trung bình Lần lượt đến phiên Như trái chờ chín.

Mạng như trái chờ chín Thường lo lúc rơi rụng Đã sinh thì có khổ Ai tránh được tử thần? Thuở nọ, vua Ác Sinh Minh, một hôm với xa giá chỉnh tề cùng đoàn hộ tùng ra dạo chơi ở hậu viên, ngắm xem những hàng cây ăn trái thẳng tắp trên đường. Tục lệ nước này trái thật chín mới ăn, không ăn trái sống. Lúc ấy, vua ra lệnh cho người giữ vườn: – Trái cây nào dù lớn hay nhỏ hễ rụng xuống đất rồi thì không được lượm dâng vua. Kẻ nào phạm luật ấy sẽ bị chém đầu. Lúc ấy người giữ vườn thầm nghĩ: “Vua Ác Sinh Minh này quá bạo ngược, không đạo đức, giết hại người không tâm thương xót. Nếu ta phạm luật ấy thì sẽ chết bất cứ lúc nào thôi, không tránh khỏi nguy khốn. Nay, cây trong vườn này rất sai trái, nhưng số trái đậu trên cây rất ít mà số trái rụng xuống đất thì nhiều. Nếu vua đòi ta dâng trái, thì không biết lấy đâu mà ra, chi bằng ta trốn đi xuất gia học đạo hay hơn”. Thế rồi, anh leo tường ra ngoài, đến chỗ Đức Phật, năm vóc gieo sát đất, xin Ngài cho làm Sa-môn. Đức Phật liền chấp nhận cho anh ta xuất gia. Nhưng anh ta cứ lặng yên, không tọa thiền tụng kinh gì cả, cũng không học giới luật, A - tỳ-đàm, tự cho hành đạo như vậy là đủ, cũng không nghĩ đến việc rỗi rảnh đi kinh hành, đọc tụng mười hai yếu quyết nhọc nhằn khó được. Chỉ dựa vào ba việc, không nghĩ đến tương lai, trong tâm vui mừng cho rằng: “Ta đã thoát khỏi sự khổ của thân, giờ đây ta nên an vui, đâu cần biết đến những việc khác!”

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn quán biết tâm trạng của vị Tỳ-kheo ấy, muốn giúp thầy thoát khỏi khổ nạn, giúp thầy được ở yên trong ngôi nhà pháp lành, để nhổ gốc khổ sinh tử,

đưa vào đường giải thoát, không còn lui sụt. Lúc bấy giờ, giữa đại chúng, Đức Phật liền nói bài kệ Xuất diệu: Mạng như trái chờ chín Thường lo lúc rơi rụng Đã sinh thì có khổ Ai tránh được tử thần? Lúc ấy vị Tỳ-kheo nghe lời Đức Phật dạy, trong tâm tự trách, cảm thấy hổ thẹn, rồi ở nơi vắng vẻ, tư duy những lỗi lầm cũ, quán chiếu chánh đạo, ngay tại chỗ ngồi chứng được quả A- la-hán.

Như người thợ gốm Nặn đất thành đồ Tất cả phải bể Mạng người cũng thế. Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ. Lúc ấy có một người thợ gốm làm các đồ vật bằng sứ, anh không từ chối bất cứ món hàng nào có hình dáng khó nặn. Lúc ấy vua Ba-tư-nặc nước Kiều-tát-la ra lệnh các thợ gốm làm các món đồ dùng. Vì người thợ gốm bận nhiều công việc nên cuối cùng không xong món đồ. Nghe vậy, vua Ba- tư-nặc nổi giận, bảo các quan đến nhà người thợ gốm đạp vỡ hết các món đồ gốm của người thợ. Sợ bị mất mạng nên anh thợ đồ gốm này lén bỏ trốn qua nước Ca-thi. Ở đây, anh lại làm các thứ đồ gốm. Biết vậy, vua Ba-tư-nặc lại sai quan đến đó đập vỡ hết đồ gốm của anh ta. Anh này lại trốn sang nước Câu-tát-la. Ở đây, anh lại làm các thứ đồ gốm. Nghe tin, vua Ba-tư-nặc lại sai các quan đến đó đập phá hết đồ gốm của anh ta. Lúc ấy tài sản đã hết sạch, người thợ này hết phương sinh sống. Cơm không no, quần áo không đủ che thân, thường sợ vua Ba-tư-nặc bắt giết. Anh lẩn trốn vào núi sâu, rồi sau đó đến chỗ Đức Phật xin nhập đạo. Đức Phật im lặng, cho phép xuất gia. Nhưng rồi, vị Tỳ-kheo này không để tâm quán chiếu tu tập, cho rằng mình đã thoát khỏi khổ nạn, không còn sợ bị vua giết, ở nơi vắng vẻ không tư duy đạo đức, cũng không học kinh, luật, luận, cũng không phân biệt nghĩa lý; không chịu tu tập đạo pháp xuất thế, không tọa thiền, tụng kinh, giúp đỡ các việc; bỏ cả ba việc, không siêng năng tu tập, cho rằng hành đạo bấy nhiêu là đủ rồi; không hăng hái tinh tấn cầu pháp của bậc Thượng nhân; pháp chưa chứng không siêng năng cầu chứng, quả chưa đắc cũng không siêng năng cầu chứng. Đức Như Lai Thế Tôn dùng Tam đạt trí mà quán sát tâm lý vị Tỳ-kheo này, Ngài dần dần giáo hóa xé tan lưới ngờ vực. Ngài bảo: – Thầy đã bỏ nghề làm đồ gốm rồi, khỏi buồn lo vì mất mạng, chỉ có thân năm ấm lẫy lừng như đồ gốm. Ấy là nỗi lo sợ lớn lao, không thể tránh khỏi nạn ấy. Đồ gốm dù bể vẫn không sợ, là bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Thân năm ấm lẫy lừng này là hình thức đồ gốm, nếu trước không làm các công đức, phước nghiệp, không tu các gốc lành thì không biết nương cậy vào đâu, cũng không có chỗ để trở về. Thế nên thường phải lo sợ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn quán sát nghĩa này, thấu suốt gốc ngọn, thấy rõ nghĩa này rồi vì muốn chư Tỳ-kheo dứt hẳn mọi thắc mắc và cũng muốn chúng sinh đời sau này thấy rõ chánh pháp tồn tại lâu dài. Khi ấy, ở trước đại chúng, Ngài liền nói bài kệ: Như người thợ gốm Nặn đất thành đồ Tất cả phải bể Mạng người cũng thế. Các món đồ dù nung hay chưa nung cũng đều phải bị vỡ, dần dần sẽ trở thành cát bụi, không nên tham đắm. Các loài chúng sinh thọ thân năm ấm này là món đồ sẽ bị vỡ, dòng Sát - đế-lợi, Bà-la-môn, Chiên-đà-la thọ thân hình, sống lâu chết yểu, giàu có, nghèo hèn, tươi đẹp, xấu xí, hay giàu sang, thấp hèn, khôn hay ngu, tất cả đều đi đến chỗ chết. Vô thường biến đổi đều sẽ vất bỏ. Thầy Tỳ-kheo ở nơi chỗ vắng kia nghe những lời giáo huấn của Như Lai, liền hiểu rõ lý vô thường, thấu suốt nguồn gốc tội phước, hiểu được

sự thay đổi hưng suy, vâng theo hạnh diệt độ, thầy liền ở trước Phật chứng quả A-la-hán.

Như trên khung dệt Thoi dệt qua, lại Chỉ dần dần hết Mạng người cũng thế. Thuở xưa, có người giỏi nghề dệt len, nhưng dệt trong giây lát là anh tỏ vẻ mệt mỏi. Nhiều lần được người cha nhắc nhở, nhưng anh bảo cứ thong thả có gì phải gấp. Vừa dệt xong tấm lụa, anh không dệt nữa. Cha anh bảo: – Dệt xong rồi con còn phải làm những việc khác nữa chứ. Người cha nói như vậy cả mấy mươi lần, đứa con thần thức bị thác loạn nên sau đó bể gan chết trước mặt bố. Thấy con chết, người cha bèn bỏ cả gia nghiệp, xuất gia học đạo. Dù đã xuất gia học đạo, thầy Tỳ-kheo lòng vẫn nhớ con không nguôi, cũng không tư duy đạo đức, chuyên tâm thiền định cầu pháp Thượng thừa, cũng không suy nghĩ Khế kinh, Giới luật, A -tỳ- đàm, cũng không ngồi thiền, tụng kinh, làm việc giúp chúng, lòng cứ nhớ thương đứa con đã chết. Lúc ấy Đức Thế Tôn dùng Tam đạt trí quán biết tâm ý thầy Tỳ-kheo ấy, thấu rõ gốc ngọn, quán rõ ý nghĩa ấy rồi và muốn giúp các Tỳ-kheo dứt hết mọi ngờ vực, khiến cho chúng sinh đời sau thấu rõ chánh pháp sáng suốt tồn tại lâu dài trên thế gian, nên trước đại chúng Đức Phật nói bài kệ Xuất diệu: Như trên khung dệt Thoi dệt qua, lại Chỉ dần dần hết Mạng người cũng thế. Tất cả muôn vật đều đi đến chỗ chết, vô thường thay đổi đều được vất bỏ ngoài gò mả chốn đồng hoang. Thầy Tỳ-kheo kia nghe những lời giáo huấn ấy của Như Lai, liền hiểu rõ lý vô thường, thấu suốt nguồn gốc tội phước, hiểu được sự thay đổi hưng suy, vâng theo hạnh diệt độ, liền ở

trước Phật chứng được quả A-la-hán.

Như kẻ tử tù Dẫn qua chợ búa Dần vào cõi chết Mạng người cũng vậy. Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ. Lúc đó vua Ba-tư-nặc, quốc vương nước Kiều-tát-la ra lệnh cho lính canh ngục hãy đem hết bọn trộm cướp chiếu theo luật đem ra chợ xử tử hết. Lúc ấy, có một tên trộm ở trong đám đông liền trốn thoát, rồi y mượn pháp phục giả làm Sa-môn. Trong tâm tên trộm này luôn nghĩ làm vậy là mình đã thoát khỏi nguy hiểm, không còn lo sợ bị vua giết hại. Ở nơi vắng vẻ, không suy nghĩ đạo đức, không học kinh, luật, luận, cũng không thông hiểu được nghĩa lý, các đạo pháp hóa độ thế gian, cũng không ngồi thiền tụng kinh, làm việc giúp chúng, xa lìa ba việc, không siêng năng tu tập, cho rằng tu đạo như vậy là đủ rồi, không mạnh mẽ tinh tấn cầu pháp của bậc Thượng nhân. Quả chưa chứng, không siêng năng cầu chứng, những điều chưa được cũng không siêng năng tìm cầu cho được. Đức Như Lai dùng Tam đạt trí quán biết tâm thầy Tỳ - kheo ấy, dần dần giáo hóa, xé tan lưới ngờ vực của vị ấy. Ngài dạy: – Phải dứt trừ nạn của giặc sinh tử, vì nó còn đọng nhiều oan trái khác nữa. Cái thân năm ấm lẫy lừng này trôi lăn trong năm đường không có ngày nghỉ, bị phiền não kết sử giết hại, đọa vào đường ngạ quỷ, súc sinh. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn quán xét ý nghĩa này, thấu suốt gốc ngọn, muốn cho các thầy Tỳ-kheo dứt hết mọi ngờ vực, khiến cho chúng sinh đời sau thấy được chánh pháp sáng suốt tồn tại lâu dài, nên Ngài nói bài kệ này: Như kẻ tử tù Dẫn qua chợ búa Dần vào cõi chết Mạng người cũng vậy. Bấy giờ thầy Tỳ-kheo kia ở nơi thanh vắng suy nghĩ, so lường, tự trách mình, hiểu rõ muôn vật đều vô thường, sống không bao lâu rồi cũng trở

về cõi chết, sự thay đổi về hưng suy nào phải chuyện mới mẻ gì, mà đã có từ lâu. Ở trước Đức Phật, vị Tỳ-kheo ấy ăn năn hối cải, chứng được quả A-la-hán.

Như dòng sông chảy Không hề trở lại Mạng người cũng vậy Đi không trở lại. Ngày xưa, có đám đông người ra ngồi bên bờ sông, quan sát dòng nước đã giết hại biết bao nhiêu người, hoặc cha mẹ, vợ con, trai gái bị té xuống sông cũng chết vô số lượng. Người được vớt cứu chỉ bằng một phần vạn. Lần nọ, có một người bị chìm xuống nước sâu được cứu sống bèn đến chỗ Đức Phật xin làm Sa-môn. Đức Phật liền chấp nhận, cho phép nhập đạo,

nhưng thầy Tỳ-kheo ấy không biết suy nghĩ đạo lý, cho rằng mình thoát hẳn tai nạn chết hụt, không còn sợ chết chìm nữa, ở nơi thanh vắng không suy tư đạo đức, không học Khế kinh, Giới luật, luận A-tỳ-đàm, không tìm hiểu nghĩa lý sâu sắc, các pháp ra khỏi thế gian, không tu tập ngồi thiền, tụng kinh, làm việc giúp chúng, lìa hẳn ba việc, cho rằng hành đạo như vậy là đủ rồi, không mạnh mẽ tinh tấn cầu pháp của bậc Thượng nhân, quả chưa chứng không siêng năng cầu chứng, những điều chưa được cũng không siêng năng tìm cầu cho được. Đức Như Lai Thế Tôn dùng Tam đạt trí quán sát tâm thầy Tỳ-kheo này, dần dần giáo hóa, xé tan lưới ngờ vực, Ngài liền nói với thầy Tỳ-kheo: – Tránh khỏi nạn giặc sinh tử còn đọng nhiều hoạn nạn khác, thân năm ấm lẫy lừng này trôi lăn trong năm đường không ngừng nghỉ, bị các kết sử giết hại, đọa vào đường ngạ quỷ, súc sinh. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn quán sát ý nghĩa này, tìm xét gốc ngọn, khiến cho các Tỳ-kheo dứt hẳn ngờ vực, khiến chúng sinh đời vị lai thấy được chánh pháp sáng tỏ, tồn tại lâu dài, nên Phật nói bài kệ trên.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.